

Số: 48/2025/QĐST-HNGĐ

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - VĨNH LONG**

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 59/2025/TLST-VDS ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số F, ấp G, xã L, tỉnh Vĩnh Long;

- Ông Đặng Đình N, sinh năm 1977.

Địa chỉ: T, H, H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (nay là phường S, tỉnh Hà Tĩnh).

Địa chỉ liên hệ: Khu phố C, phường L, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là xã L, tỉnh Vĩnh Long) vào ngày 27 tháng 12 năm 2005, nên quan hệ hôn nhân của bà H và ông N là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm, ông bà đã sống ly thân và không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Bà H và ông N có 03 con chung tên Đặng Đình H1, sinh ngày 05/7/2006, Đặng Hà Minh A, sinh ngày 04/5/2012 và Đặng Đình Hưng A1, sinh

ngày 25/8/2013. Đối với con chung Đặng Đình H1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng. Hiện tại, đối với các con chung Minh A và Hưng A1 đang sống với bà H, quá trình nuôi dưỡng, bà H đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng các con. Mặt khác, bà H và ông N thỏa thuận, sau khi ông bà ly hôn, bà H sẽ tiếp tục nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...”. Vì vậy, Tòa án công nhận giao các con chung là Đặng Hà Minh A, sinh ngày 04/5/2012 và Đặng Đình Hưng A1, sinh ngày 25/8/2013 cho bà H tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Bà H và ông N thỏa thuận bà H không yêu cầu ông N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung chưa thành niên nên Tòa án công nhận sự thỏa thuận này, sau này nếu theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quyền thăm nom con: Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

[5] Về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H và ông N trình bày không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà H và ông N phải chịu 300.000 đồng lệ phí Tòa án. Do ông bà thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Đặng Đình N thuận tình ly hôn.

- Về con chung:

Bà Phạm Thị Thanh H và ông Đặng Đình N có các con chung tên Đặng Đình H1, sinh ngày 05/7/2006, Đặng Hà Minh A, sinh ngày 04/5/2012 và Đặng Đình Hưng A1, sinh ngày 25/8/2013.

Đối với con chung là Đặng Đình H1 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng.

Đối với con chung Đặng Hà Minh A, sinh ngày 04/5/2012 và Đặng Đình Hưng A1, sinh ngày 25/8/2013. Sau khi ly hôn, bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Hà Minh A, sinh ngày 04/5/2012 và Đặng Đình Hưng A1, sinh ngày 25/8/2013 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi các con.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của các con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Thanh H và ông Đặng Đình N trình bày thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án:

Bà Phạm Thị Thanh H phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ bà H đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010030 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà H đã nộp đủ lệ phí.

Ông Đặng Đình N phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ ông N đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010031 ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã Lương Hòa, tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thị Thanh Huệ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những nội dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].